

Số : 11782/BCT-KH

V/v giải quyết kiến nghị của Đại biểu và cử tri tại kỳ họp 7 và trả lời chất vấn của Đại biểu tại kỳ họp 8, Quốc hội khoá XII

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2010

Kính gửi: Các vị Đại biểu Quốc hội

Bộ Công Thương xin báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của đại biểu Quốc hội và ý kiến kiến nghị của cử tri cả nước trong Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khoá XII và tình hình trả lời chất vấn của các đại biểu tại kỳ họp thứ 8, tính đến thời điểm hiện nay như sau:

I. TRẢ LỜI CHẤT VẤN CỦA ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, Ý KIẾN, KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI CẢ NƯỚC TẠI KỲ HỌP THỨ 7

Tại kỳ họp thứ 7 khoá XII, theo tổng hợp chất vấn của Văn phòng Chính phủ và các văn bản gửi chất vấn của Văn phòng Quốc hội, Bộ Công Thương đã nhận được 29 chất vấn của Đại biểu Quốc hội và đoàn Đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố trên cả nước. Nội dung chất vấn bao gồm: 13 chất vấn liên quan tới lĩnh vực điện lực, 06 điều hành xuất nhập khẩu, còn lại là các chất vấn liên quan tới việc quản lý thị trường hàng hoá trong nước và các vấn đề khác Bộ đã có văn bản trả lời kịp thời tất cả các chất vấn của Đại biểu.

Theo báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khoá XII của Ban Dân nguyện - UBTV Quốc hội chuyển tới Bộ Công Thương tại văn bản số 192/BDN ngày 06 tháng 7 năm 2010; văn bản số 8454/VPCP-TH ngày 06 tháng 8 năm 2010 và văn bản số 5410/VPCP-TH ngày 05 tháng 8 năm 2009 của Văn phòng Chính phủ về trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri, Bộ Công Thương có 80 vấn đề được cử tri của các tỉnh, thành phố quan tâm, trong đó có 40 ý kiến kiến nghị của cử tri liên quan đến lĩnh vực điện lực; 26 ý kiến liên quan đến công tác quản lý thị trường, công tác xuất nhập khẩu và hoạt động kích cầu; 14 ý kiến liên quan đến những nội dung khác như khai thác khoáng sản (bô xít), hỗ trợ phát triển công nghiệp đóng tàu, đầu tư nhà máy lọc dầu, hạn chế sản xuất thuốc lá...

Đến ngày 31/8/2010, Bộ Công Thương cũng đã hoàn thành việc trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC CÔNG TÁC ĐỂ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ MÀ NHIỀU ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ CỬ TRI QUAN TÂM

Kể từ sau kỳ họp thứ 7 cho đến nay, Bộ Công Thương đã tích cực triển khai giải quyết những vấn đề mà Đại biểu Quốc hội, cũng như cử tri cả nước quan tâm, cụ thể như sau :

1. Về lĩnh vực điện

1.1. Căn cứ Chiến lược phát triển ngành Điện Việt Nam giai đoạn 2001 đến 2010 định hướng tới năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 176/2004/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2004, Bộ Công Thương đã tiếp tục chỉ đạo ngành điện và các nhà đầu tư có liên quan triển khai thực hiện chương trình đầu tư để bảo đảm đủ nguồn và đồng bộ hệ thống truyền tải, phân phối. Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã nghiêm túc thực hiện, tập trung nguồn lực cho nhiệm vụ chính của mình. Dự kiến năm 2010, sản lượng điện sản xuất là 97,28 tỷ kWh, đạt mục tiêu Chiến lược tới năm 2010. Đồng thời Bộ đang tích cực chỉ đạo xây dựng Quy hoạch điện lực VII đến năm 2020.

1.2. Về đầu tư phát triển lưới điện đến những vùng nông thôn, Bộ Công Thương vẫn đang tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác quản lý và đầu tư lưới điện nông thôn. Tính đến thời điểm hiện nay, 100% số huyện trong cả nước có điện lưới và điện tại chỗ; 10.794/10.996 xã, phường (đạt 98,16%), trong đó 8.904/9.106 xã (đạt 97,78%) có điện lưới quốc gia; 20,5/21,2 triệu hộ dân trên cả nước được cung cấp điện (đạt tỷ lệ 96,57%), trong đó có 14,2/14,9 triệu hộ dân nông thôn có điện (đạt 95,4%). Khách hàng dùng điện ký hợp đồng trực tiếp với các Công ty Điện lực của EVN lên đến 16,412 triệu khách hàng. Như vậy, ngành điện đã hoàn thành vượt chỉ tiêu 90% hộ dân nông thôn có điện theo Nghị quyết Đại hội X. Tỷ lệ này ở nước ta cao hơn nhiều nước trong khu vực, kể cả các nước có thu nhập bình quân đầu người cao hơn nước ta, như Indonesia (mới đạt 53%), Ấn Độ (mới đạt 43%)... Đây là kết quả của sự quyết tâm rất lớn của Đảng và Nhà nước, sự nỗ lực cố gắng của ngành điện và các bộ, ngành, địa phương có liên quan.

1.3. Về việc đấu nối các nhà máy thủy điện vào các đường dây và trạm 110kV tại tỉnh Kon Tum, trong 2 năm 2009 - 2010, Tổng công ty Điện lực miền Trung đã thoả thuận đấu nối các nhà máy thủy điện vào các đường dây và trạm 110 kV hiện có các công trình Đăkpsi 3, Đăkpsi 4, Đăk Ne.

Bộ Công Thương cũng đã ban hành Thông tư số 32/2010/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2010, quy định các nội dung liên quan tới việc đấu nối các công trình thủy điện nhỏ với hệ thống lưới phân phối, để các bên có liên quan thực hiện.

1.4. Về hỗ trợ cho người nông dân sử dụng điện cho sản xuất nông nghiệp như thắp sáng cho thanh long tại Bình Thuận, Tổng công ty điện lực

miền Nam đã phân bổ công tơ 1 pha 3 giá cho các Công ty Điện lực địa phương, trong đó có Bình Thuận. Với cách làm này, bà con được hưởng lợi từ mức giá bán lẻ cho các ngành sản xuất có cấp điện áp dưới 6 kV theo giờ thấp điểm, nếu việc thấp sáng cho thanh long thực hiện vào giờ thấp điểm.

1.5. Về tình hình xây dựng các văn bản quy định khung giá phát điện, bán buôn điện và các loại phí liên quan đến lĩnh vực điện lực theo yêu cầu tại Quyết định số 153/2008/QĐ-TTg.

Bộ đã ban hành 2 Thông tư quy định phương pháp lập, trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành chi phí vận hành hệ thống điện và thị trường điện (Thông tư số 13/2010/TT-BCT) và quy định phương pháp lập, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành và quản lý giá truyền tải điện (Thông tư số 14/2010/TT-BCT).

Về quy định khung giá phát điện, hiện nay Bộ Công Thương đang xây dựng Thông tư quy định trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành khung giá phát điện và phê duyệt hợp đồng mua bán điện.

Bộ cũng đã lên kế hoạch để xây dựng các thông tư hướng dẫn liên quan trong năm 2011 gồm:

- Thông tư quy định về phương pháp lập, trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt giá dịch vụ phụ trợ và hợp đồng mẫu dịch vụ phụ trợ.
- Thông tư quy định phương pháp lập, trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành chi phí điều tiết hoạt động điện lực.
- Thông tư quy định phương pháp xây dựng giá phân phối điện và giá bán lẻ điện; trình tự, thủ tục lập, thẩm định và ban hành giá phân phối điện.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương cũng đang tổ chức xây dựng Thông tư quy định về trình tự điều hoà, tiết giảm điện khi hệ thống điện thiếu công suất. Quy định này sẽ xác định các tiêu chí, thứ tự ưu tiên cung cấp điện cho các đối tượng khách hàng sử dụng điện và đưa ra nguyên tắc tiết giảm điện đối với các nhóm khách hàng, các địa phương khi xảy ra thiếu điện phải tiết giảm phụ tải.

2. Về xây dựng Nghị định điều hành kinh doanh xuất khẩu gạo

Sau quá trình lấy ý kiến các Bộ, ngành, báo cáo UBTV Quốc hội, Bộ Công Thương đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 109/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2010 về kinh doanh xuất khẩu gạo. Hiện nay, Bộ đang tiếp tục phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng Thông tư hướng dẫn Nghị định để triển khai thực hiện một cách đồng bộ.

3. Về hoạt động xuất nhập khẩu

Để thực hiện mục tiêu tỷ lệ nhập siêu không quá 20% kim ngạch xuất khẩu năm 2010, trong điều kiện biến động giá cả và thị trường quốc tế, Bộ đã tăng cường và chủ động phối hợp với các Bộ, ngành tham mưu với Chính

phủ, Thủ tướng Chính phủ, cũng như chủ động theo thẩm quyền đề ra nhiều biện pháp nhằm đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu, khai thác tốt hơn các ưu đãi xuất xứ (Form C/O) từ các Hiệp định thương mại tự do song phương... nên kết quả thực hiện kế hoạch xuất nhập khẩu năm 2010 có nhiều chuyển biến tích cực qua từng tháng, ước cả năm 2010 kim ngạch xuất khẩu sẽ đạt khoảng 70-71 tỷ USD, mức nhập siêu khoảng 12 tỷ USD, tỷ lệ nhập siêu trên kim ngạch xuất khẩu khoảng 17%.

4. Về bảo đảm cung cầu và hoạt động quản lý thị trường

Để bảo đảm cân đối cung cầu những mặt hàng thiết yếu của nền kinh tế, Tổ điều hành thị trường trong nước đã duy trì các phiên họp hàng tháng đều đặn, đánh giá những mặt được và chưa được trong tháng qua và đề xuất các giải pháp cho thị trường tháng tiếp theo. Cùng với việc nâng cao dần tính dự báo cung cầu đã góp phần định hướng cho các doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu bảo đảm nguồn cung hàng hóa, không để xảy ra những cơn sốt hàng, sốt giá. Riêng, mặt hàng đường có thời gian ngắn có biểu hiện mất cân đối cục bộ đã được Bộ phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xử lý kịp thời.

Về công tác quản lý thị trường, trong những tháng qua, lực lượng quản lý thị trường đã phối hợp với các lực lượng chức năng ở địa phương thường xuyên duy trì các hoạt động kiểm tra, kiểm soát chống buôn lậu, làm và tiêu hàng nhái, hàng giả, hàng kém chất lượng; kiểm tra việc niêm yết giá và bán theo giá niêm yết. Tính đến hết tháng 11, lực lượng quản lý thị trường cả nước đã kiểm tra 147.428 vụ vi phạm, xử lý 68.334 vụ vi phạm (trong đó có 12.079 vụ buôn bán hàng lậu, hàng cấm; 9.507 vụ hàng giả, hàng kém chất lượng; 36.484 vụ kinh doanh trái phép và 10.268 vụ vi phạm trong lĩnh vực giá) với số thu trên 200 tỷ đồng (trong đó phạt vi phạm hành chính trên 138,6 tỷ đồng; tiền bán hàng tịch thu là 65,32 tỷ đồng và truy thu thuế là 4,7 tỷ đồng).

Còn một số vấn đề khác được Đại biểu và cử tri cả nước quan tâm như vấn đề tái cơ cấu ngành điện, thị trường điện cạnh tranh, phát triển công nghiệp hỗ trợ, giảm nhập siêu... Bộ vẫn đang tiếp tục giải quyết, xử lý nhưng đòi hỏi phải có thời gian để thực hiện. Bộ sẽ tiếp tục có báo cáo Quốc hội về kết quả thực hiện trong các kỳ họp tới.

III. TÌNH HÌNH TRẢ LỜI CHẤT VẤN CỦA CÁC ĐẠI BIỂU TẠI KỲ HỌP THỨ 8

Tại kỳ họp này, Bộ Công Thương đã nhận được 42 phiếu chất vấn của 35 vị Đại biểu Quốc hội về những vấn đề liên quan đến lĩnh vực công nghiệp và thương mại như: vấn đề liên quan đến việc thực hiện các dự án khai thác, chế biến bô xit ở Tây Nguyên; các nội dung liên quan đến lĩnh vực điện lực và các giải pháp cấp điện trong năm 2011; tình hình xuất nhập khẩu, cung cầu

hàng hoá; công tác quản lý thị trường... Bộ Công Thương đã có văn bản trả lời kịp thời gửi tới các vị Đại biểu Quốc hội, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội có liên quan.

Thừa uỷ quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương xin phép được báo cáo và giải trình với Quốc hội 3 nhóm vấn đề được các vị Đại biểu Quốc hội và cử tri cả nước quan tâm là:

- Tình hình liên quan đến lĩnh vực điện lực và các giải pháp cấp điện cho mùa khô năm 2011.

- Các giải pháp đảm bảo an toàn cho các dự án khai thác và chế biến bô xít ở Tây Nguyên.

- Tình hình nhập siêu và các giải pháp để hạn chế nhập siêu.

I. Về vấn đề thứ nhất: Tình hình liên quan đến lĩnh vực điện lực và các giải pháp cấp điện cho mùa khô năm 2011

1. Thực trạng tình hình sản xuất và cung cấp điện năm 2010

Theo Quyết định số 1770/QĐ-BKH ngày 19/11/2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, kế hoạch năm 2010 giao cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) sản xuất và mua ngoài là 93,38 tỷ kWh điện, trong đó điện sản xuất là 64,454 tỷ kWh.

Căn cứ chỉ tiêu phát triển kinh tế (GDP) năm 2010 đã được Quốc hội thông qua khoảng 6,5%; căn cứ kết quả thực hiện sản lượng điện thương phẩm năm 2009 đạt 74,816 tỷ kWh (tăng 13,48% so với năm 2008), Bộ Công Thương và Tập đoàn đã xây dựng phương án điện thương phẩm năm 2010 là 85,33 tỷ kWh, tăng 14,05% so với năm 2009 và gấp 2,16 lần so với GDP. Tương ứng điện sản xuất và mua ngoài là 97,01 tỷ kWh tăng 14,45% so với năm 2009, cao hơn 3,63 tỷ kWh so với chỉ tiêu kế hoạch được giao (trong đó điện sản xuất của EVN là 62,296 tỷ kWh, điện mua ngoài là 34,715 tỷ kWh).

Qua 10 tháng, điện sản xuất và mua của EVN thực hiện là 80,61 tỷ kWh, tăng 15,47% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: điện sản xuất là 49,28 tỷ kWh, tăng 3,79%; điện mua ngoài là 31,33 tỷ kWh, tăng 40,31% so cùng kỳ. Điện thương phẩm thực hiện là 70,7 tỷ, tăng 14,81% so cùng kỳ năm 2009, trong đó: điện cấp cho công nghiệp và xây dựng tăng 18,6% so cùng kỳ, điện cấp cho quản lý và tiêu dùng dân cư tăng 7,13% so với cùng kỳ.

Theo báo cáo của EVN dự kiến cả năm 2010, sản lượng điện sản xuất ước đạt khoảng 97,28 tỷ kWh, tăng 14,76% so với thực hiện năm 2009 và điện thương phẩm đạt 85,08 tỷ kWh tăng 13,72% so với thực hiện 2009; tốc độ tăng thương phẩm giai đoạn 2006-2010 là 13,7%, tăng gấp 2 lần so với tăng trưởng GDP; điện thương phẩm bình quân đầu người đến cuối năm 2010 ước là 981 kWh/người/năm (tăng 1,8 lần so với năm 2005).

2. Tình hình và nguyên nhân thiếu điện mùa khô năm 2010

Ngay từ đầu năm, dự báo trước khả năng có thể căng thẳng về điện trong mùa khô năm 2010, Bộ Công Thương và EVN đã có những giải pháp tích cực để nhằm hạn chế khả năng thiếu điện trong mùa khô (Bộ đã có Chỉ thị số 04/CT-BCT ngày 28 tháng 1 năm 2010 về việc thực hiện các công tác cần thiết cho việc đảm bảo cung cấp điện mùa khô 2010; tiếp theo là Chỉ thị số 12/CT-BCT ngày 7 tháng 4 năm 2010 triển khai Chỉ thị 424/CT-TTg ngày 5 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, yêu cầu EVN và các đơn vị ngành điện thực hiện các biện pháp đảm bảo cung cấp điện trong mùa khô 2010).

Để kịp thời ứng phó với các thay đổi trong tình hình cung cấp điện giữa mùa khô, Bộ Công Thương đã có các Chỉ thị số 16/CT-BCT ngày 20 tháng 5 năm 2010 và Chỉ thị 17/CT-BCT ngày 21 tháng 6 năm 2010 về việc đảm bảo cung cấp điện phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, theo đó đã yêu cầu huy động tối đa các nhà máy nhiệt điện, kể cả chạy dầu FO, DO có giá thành cao; trung dụng cả các tổ máy nhiệt điện than mới đưa vào hoạt động, mặc dầu các tổ máy này còn đang trong thời gian thử nghiệm hoặc nghiệm thu; tập trung lực lượng để sửa chữa khi các tổ máy bị sự cố; đàm phán với nhà thầu nước ngoài lùi thời gian sửa chữa đường ống để tiếp tục cấp khí cho phát điện; thực hiện giải pháp điều hòa, tiết giảm; tăng cường công tác tuyên truyền thực hành tiết kiệm điện... Bộ Công Thương theo dõi, giám sát chặt chẽ hàng ngày, hàng tuần việc huy động các nguồn điện trong hệ thống điện của EVN và thấy rằng Tập đoàn Điện lực Việt Nam nói riêng và các chủ đầu tư các nhà máy điện nói chung đã có nỗ lực để thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Công Thương nhằm đáp ứng tối đa điện năng cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt. Nhưng với tất cả các biện pháp trên cũng chỉ hạn chế mà chưa khắc phục được cơ bản và vững chắc tình trạng thiếu điện. Thực tế này do nguyên nhân chủ yếu sau :

- Tình hình thủy văn trên các hệ thống sông trong toàn quốc đều đang tình trạng cạn kiệt nhất trong vòng 100 năm qua. Dòng chảy trên hệ thống sông Hồng - Thái Bình thấp hơn trung bình nhiều năm khoảng 25 - 50%. Trong suốt mùa lũ năm 2010 (từ tháng 6 đến nay) mới chỉ có một số trận lũ vừa và nhỏ, duy trì trong thời gian rất ngắn. Lưu lượng lớn nhất đến hồ Hòa Bình mới đạt 4.600 m³/s và cũng chỉ tồn tại trong một ngày (ngày 26/7). Các sông ở Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ cho đến đầu tháng 10 đều đã ở trong tình trạng thiếu nước nghiêm trọng, tổng lượng nước thiếu hụt so với 2009 tương đương khoảng 6,9 tỉ kWh.

- Tiến độ đầu tư nhiều nguồn điện bị chậm theo quy hoạch VI, thêm vào đó, các nhà máy nhiệt điện than mới đưa vào vận hành nhưng không ổn định, quá trình xử lý sự cố kéo dài như Hải Phòng, Cẩm Phả, Sơn Động, Quảng Ninh...

3. Các giải pháp sắp tới để giảm thiểu việc thiếu điện

Theo nhận định của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn Trung ương, tình hình khô hạn vẫn tiếp tục xảy ra trong quý IV/2010. Tổng lượng nước về hồ Hòa Bình ước từ ngày 21/9/2010 đến ngày 31/12/2010 chỉ khoảng 9,4 tỷ m³, như vậy tổng lượng nước về hồ Hòa Bình cả năm 2010 chỉ đạt 34 tỷ m³ thấp hơn trung bình nhiều năm 22,5 tỷ m³. Với tình hình thủy văn như hiện nay thì việc phát điện và tích nước vào cuối năm 2010 sẽ gặp khó khăn rất lớn, do sản lượng điện phát đã giảm nhiều mà vẫn không tích đủ nước, trong khi đó phải cần khoảng 3,5 tỷ m³ nước từ 3 hồ Hòa Bình, Thác Bà, Tuyên Quang để xả nước phục vụ đồ ải và tưới dưỡng lúa cho gần 620.000 ha vụ đông - xuân khu vực đồng bằng Bắc Bộ ngay sau Tết Nguyên đán.

Để chủ động trong công tác điều hành hệ thống điện trong năm tới, Bộ Công Thương đã chỉ đạo các cơ quan thuộc Bộ phối hợp với EVN tiến hành cân đối cung - cầu điện ở các phương án phụ tải tăng 16,3% (tương ứng với sản lượng điện của toàn hệ thống là 117,6 tỷ kWh) và 18% (tương ứng với sản lượng điện của toàn hệ thống là 119,2 tỷ kWh). Kết quả cân đối cho thấy rằng:

Với phương án phụ tải tăng trưởng 16,3% (phương án cơ sở và là phương án chọn), dự kiến nước về với tần suất 65%, ngay cả khi quý IV/2010 và 6 tháng đầu năm 2011, phát cao các nguồn chạy dầu thì mùa khô năm 2011 khả năng đảm bảo cung cầu điện vẫn mỏng manh; nếu thiếu các biện pháp giải quyết hữu hiệu thì hệ thống có thể thiếu khoảng 2,0 tỷ kWh (bằng 3,5% sản lượng toàn hệ thống). Với phương án phụ tải tăng trưởng 18% (phương án cao), dự kiến nước về với tần suất 65% thì 6 tháng mùa khô 2011 hệ thống thiếu hơn 3,0 tỷ kWh (bằng 4,5% sản lượng hệ thống).

Để ứng phó với tình hình này, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công Thương đang khẩn trương chỉ đạo các Tập đoàn Điện lực, Than-Khoáng sản, Dầu khí thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo cung cấp điện tối đa cho mùa khô năm 2011, bao gồm:

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư và đưa vào vận hành ổn định các dự án nguồn điện, nhất là những dự án trong thời gian vừa qua đã đưa vào vận hành, nhưng vẫn đang trong giai đoạn thực nghiệm hoàn chỉnh. Đây được coi là giải pháp quan trọng nhất vì phải có nguồn mới có khả năng cung ứng điện.

- Sắp xếp lịch bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện và lưới điện một cách hợp lý để đảm bảo khả năng vận hành ổn định, tin cậy trong giai đoạn mùa khô năm 2011;

- Ưu tiên tích nước cho các hồ chứa thủy điện để đảm bảo đến cuối năm 2010, đạt mức nước dâng cao nhất có thể được nhằm có thể huy động ở mức tối đa cho giai đoạn mùa khô năm 2011.

- Khuyến cáo các địa phương, các doanh nghiệp và nhân dân về khả năng cung ứng điện năm 2011 để chủ động điều hành, điều tiết sản xuất và tiêu dùng một cách hợp lý, hiệu quả và tiết kiệm nhất (phân đầu tiết kiệm khoảng

5% lượng điện theo yêu cầu), nhằm giành điện cho các mục tiêu sản xuất thiết yếu, sản xuất hàng xuất khẩu, các bệnh viện, trường học, các sự kiện chính trị lớn của đất nước.

Ngoài ra, Bộ Công Thương cũng đang khẩn trương soạn thảo đề ban hành Thông tư quy định về tiết giảm điện, làm cơ sở pháp lý cho công tác thực hiện tiết giảm phụ tải của ngành Điện trong trường hợp xảy ra thiếu điện, nhằm đảm bảo nguyên tắc công bằng, minh bạch trong tiết giảm điện và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của việc tiết giảm điện đến sản xuất và đời sống nhân dân.

Nếu thực hiện được các biện pháp trên một cách đồng bộ, Bộ Công Thương cho rằng có thể đảm bảo cân đối điện đáp ứng yêu cầu trong năm 2011.

4. Vận hành hồ chứa tại các nhà máy thủy điện

Hồ chứa thủy điện là một hạng mục công trình kỹ thuật quan trọng của nhà máy thủy điện. Tùy theo chức năng thiết kế các nhà máy thủy điện chỉ làm nhiệm vụ phát điện hay còn đảm nhận các chức năng khác như thủy lợi, cắt lũ và nhà máy được thiết kế độc lập trên lưu vực sông hay cùng một, một số nhà máy khác, mà hồ chứa phải tuân theo các quy trình vận hành hồ chứa hay quy trình vận hành liên hồ chứa.

a. Về quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa và tác dụng của hồ chứa tại các nhà máy thủy điện

Theo Quyết định số 1879/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục các hồ thủy lợi, thủy điện trên lưu vực sông phải xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa, thì có 11 lưu vực sông phải xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa, bao gồm:

- Lưu vực sông Hồng, gồm tám (8) hồ: Sơn La, Hòa Bình, Thác Bà, Tuyên Quang, Huổi Quảng, Bản Chát, Nậm Na 3 và Lai Châu;

- Lưu vực sông Mã, gồm năm (5) hồ: Cửa Đạt, Hòa Na, Trung Sơn, Pa Ma và Huổi Tạo;

- Lưu vực sông Cả, gồm bốn (4) hồ: Bản Vẽ, Khe Bó, Bản Mòng và Ngàn Trươi;

- Lưu vực sông Hương, gồm bốn (4) hồ: Bình Điền, Hương Điền, Tả Trạch và A Lưới (trên sông A Sáp thuộc lưu vực sông Sê Kông);

- Lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, gồm sáu (6) hồ: A Vương, Đắc Mi 4, Sông Tranh 2, Sông Bung 2, Sông Bung 4 và Đắc Mi 1;

- Lưu vực sông Trà Khúc, gồm hai (2) hồ: Đak Đrinh và Nước Trong;

- Lưu vực sông Kôn - Hà Thanh, gồm ba (3) hồ: Vĩnh Sơn A - Vĩnh Sơn B, Định Bình và Núi Một;

- Lưu vực sông Ba, gồm năm (5) hồ: Sông Ba Hạ, Sông Hinh, Krông Hnăng, Ayun Hạ và cụm hồ An Khê - Kanak;

- Lưu vực sông Sê San, gồm năm (5) hồ: Plêi Krông, Ialy, Sê San 4, Thượng Kon Tum và Sê San 4A;

- Lưu vực sông Srêpok, gồm sáu (6) hồ: Buôn Tua Srah, Buôn Kuốp, Srêpôk 3, Srêpôk 4, Đức Xuyên và Srêpôk 7;

- Lưu vực sông Đồng Nai, gồm mười ba (13) hồ: Dầu Tiếng, Trị An, Thác Mơ, Đơn Dương, Đa Mi, Hàm Thuận, Cần Đơn, Đại Ninh, Đồng Nai 2, Đồng Nai 3, Đồng Nai 4, Srok Phu Miêng và Phước Hòa.

Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ cũng giao Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng các Quy trình vận hành liên hồ chứa thuộc các lưu vực sông nêu trên và trình duyệt theo quy định, Bộ Công Thương giữ vai trò phối hợp. Liên quan đến đánh giá tác dụng của quy trình này, Bộ Công Thương xin báo cáo cụ thể như sau :

- Đối với khu vực Bắc bộ

Quy trình vận hành liên hồ chứa thủy điện Hòa Bình, Tuyên Quang, Thác Bà trong mùa lũ hàng năm đã được Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt tại Quyết định số 80/2007/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2007 (sau đây viết tắt là Quy trình 80) trên cơ sở đề nghị của Bộ Công Thương.

Theo đánh giá của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ về an toàn thủy điện Hòa Bình, trong mùa lũ hàng năm đã đạt hiệu quả trong việc đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình, cho Thủ đô Hà Nội và đồng bằng Bắc Bộ, nâng cao hiệu ích cấp nước phục vụ nông nghiệp trong các tháng mùa kiệt và tăng sản lượng điện cho hệ thống điện quốc gia. Cụ thể, trong 3 năm thực hiện theo quy trình, sản lượng điện của Công ty Thủy điện Hoà Bình đều vượt mức thiết kế từ 4,5 đến 24%. Đặc biệt việc sớm được đưa mực nước hồ lên đã đáp ứng rất tốt công tác chống hạn cho đồng bằng Bắc bộ trong mùa kiệt. Từ tháng 1 đến tháng 4 hàng năm, Công ty Thủy điện Hoà Bình đã thực hiện việc cấp nước chống hạn cho đồng bằng Bắc bộ từ 2,5 đến 3,5 tỷ m³ nước. Để kịp thời ứng xử trong mùa lũ năm 2010 trong điều kiện thủy điện Sơn La tích nước, Thủ tướng Chính phủ cũng đã giao nhiệm vụ cho Bộ Công Thương chủ trì thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy trình 80/2007/QĐ-TTg cho 4 hồ Sơn La, Hòa Bình, Tuyên Quang và Thác Bà. Việc ban hành quy trình nêu trên rất kịp thời giúp các đơn vị chủ động trong việc điều hành hồ chứa trong mùa lũ năm 2010 khi hồ Sơn La tích nước, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho Thủ đô Hà Nội và đồng bằng Bắc Bộ, tăng hiệu ích phát điện và tích nước phục vụ nông nghiệp trong mùa khô tới.

- Đối với khu vực miền Trung-Tây Nguyên

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 2 quy trình liên hồ trên lưu vực sông Ba và sông Vu Gia-Thu Bồn như sau:

+ Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2010 về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa các hồ A Vương, Đăk Mi 4, Sông Tranh 2 trong mùa lũ hàng năm (lưu vực sông Vu Gia-Thu Bồn).

+ Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 23 tháng 9 năm 2010 về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa các hồ Sông Ba Hạ, Sông Hinh, Krông H' năng, Ayun Hạ và An Khê-Ka Nak trong mùa lũ hàng năm (lưu vực sông Ba).

Trong mùa lũ vừa qua, năm 2010, các hồ chứa ở 2 lưu vực nêu trên đã chính thức áp dụng quy trình vận hành liên hồ chứa được phê duyệt. Đối với lưu vực sông Ba, trong đợt lũ đầu tháng 11 vừa qua công trình thủy điện Sông Ba Hạ đã chính thức thực hiện Quy trình vận hành liên hồ chứa các hồ Sông Ba Hạ, Sông Hinh, Krông H' năng, Ayun Hạ và An Khê-Ka Nak.

b. Về tình hình các hồ thủy điện xả lũ trong thời gian qua

Việc vận hành điều tiết lũ của các hồ chứa cho thấy đã tham gia cắt giảm được lưu lượng và tổng lượng nước ở thời gian đầu các trận lũ, góp phần giảm nhẹ ngập lụt cho hạ du. Tuy nhiên, trong các trận lũ năm 2010, tại một số công trình thủy điện, còn tồn tại một số vấn đề trong quản lý thực hiện quy trình, thông tin báo cáo cần kịp thời khắc phục. Cụ thể, đối với thủy điện Sông Ba Hạ trong thời gian chuẩn bị xả lũ (lúc 04h00 ngày 02/11/2010) và trong thời gian đầu xả lũ (từ lúc 07h30 đến 14h00 ngày 02/11/2010), lãnh đạo Công ty cổ phần thủy điện Sông Ba Hạ đã gửi thông báo chuẩn bị xả lũ, cũng như thông tin xả lũ hàng giờ cho Ban chỉ đạo PCLB Trung ương, Ban chỉ huy PCLB&TKCN tỉnh Phú Yên, Ban chỉ huy PCLB &TKCN các huyện Sông Hinh và Sơn Hòa, nhưng không gửi đến UBND tỉnh Phú Yên là chưa đầy đủ. Sau đó, Công ty Cổ phần thủy điện Sông Ba Hạ đã thực hiện đúng chế độ thông tin và báo cáo với UBND tỉnh Phú Yên theo quy định. Bộ Công Thương đã yêu cầu Tập đoàn Điện lực Việt Nam kiểm điểm làm rõ trách nhiệm đơn vị và cá nhân có liên quan.

Trong trận lũ thứ 2 từ ngày 05/11/2010 đến ngày 10/11/2010, Công ty đã thực hiện đúng Quy trình vận hành hồ chứa, Quy trình vận hành liên hồ chứa và sự chỉ đạo của UBND tỉnh Phú Yên để điều tiết xả lũ, góp phần hạn chế thiệt hại cho hạ du.

Tại thủy điện Hồ Hô, trong trận lũ lịch sử kéo dài từ ngày 02-05/10/2010, đã xảy ra sự cố nước tràn đỉnh đập. Sau khi xảy ra sự cố, Bộ Công Thương đã kịp thời phối hợp với các cơ quan liên quan để chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn đập; tổ chức Đoàn công tác kiểm tra, đánh giá nguyên nhân và chỉ đạo các giải pháp khắc phục. Nguyên nhân chính là do các cửa van đập tràn bị sự cố, trong khi lượng cùi rác từ thượng nguồn đổ về nhiều làm giảm khả năng xả của đập tràn so với thiết kế; chưa bố trí hệ thống điện

dự phòng; công trình đang trong quá trình thi công xây dựng (nhiều hạng mục chưa kịp thời hoàn thành để được nghiệm thu đưa vào sử dụng). Theo quy định tại Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Hồ Hô (Quyết định số 2365/QĐ-BCT ngày 19/5/2009 của Bộ Công Thương), các Quy chuẩn Việt Nam QCVN QTĐ-5:2009/BCT và QCVN QTĐ-6:2009/BCT ban hành kèm theo Quyết định số 54/2008/QĐ-BCT ngày 30/12/2008 của Bộ Công Thương đã quy định các nội dung chuẩn bị và vận hành đảm bảo an toàn chống lũ, như kiểm tra khả năng vận hành của các thiết bị có liên quan (trong đó có cửa van đập tràn), phương án cấp điện dự phòng, bố trí nhân lực phục vụ phòng chống lũ... Tuy gặp sự cố nêu trên, nhưng đập chính của thủy điện Hồ Hô vẫn được giữ an toàn, không gây nguy hiểm cho hạ du, chỉ gây thiệt hại một số hạng mục của bản thân công trình; nước lũ tích lại một phần trong toàn bộ hồ chứa.

Qua thực tế vận hành hồ chứa thủy điện thời gian qua, Bộ Công Thương đã chỉ đạo các đơn vị liên quan xem xét nguyên nhân và các tồn tại để kịp thời chấn chỉnh, nhằm đảm bảo các công trình thủy điện vận hành an toàn và góp phần giảm nhẹ thiên tai cho hạ du; đã có Chỉ thị số 24/CT-BCT ngày 03/11/2010 về việc tăng cường công tác quản lý, kiểm tra bảo đảm an toàn các công trình thủy điện trong sản xuất, điều tiết lũ, đối phó với mưa, bão, lũ. Đây cũng là những nhiệm vụ thường xuyên của ngành Công Thương và các địa phương có liên quan.

II. Về vấn đề thứ hai : Các giải pháp đảm bảo an toàn và hiệu quả kinh tế của các dự án khai thác, chế biến bô-xit ở Tây Nguyên.

1. Các giải pháp đảm bảo an toàn cho hồ bùn đỏ trong các dự án khai thác về chế biến bô-xit ở Tây Nguyên

Hạng mục kỹ thuật hồ bùn đỏ trong các dự án khai thác, chế biến alumin là một hạng mục rất quan trọng, nhằm bảo đảm an toàn môi trường không chỉ cho dự án mà cho cả các vùng dân cư lân cận. Đặc biệt sau sự kiện vỡ hồ bùn đỏ ở Hungari thì sự quan tâm của Đại biểu Quốc hội và dư luận tới vấn đề này là thể hiện ý thức trách nhiệm cao trước những vấn đề hệ trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Về thiết kế hồ bùn đỏ thuộc dự án alumin Tân Rai, cũng như những giải pháp liên quan khác nhằm bảo đảm an toàn cho hồ bùn đỏ, tiếp theo báo cáo của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tại phần thảo luận tại Hội trường về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, Bộ Công Thương xin được giải trình cụ thể như sau :

Hồ bùn đỏ Nhà máy alumin Tân Rai do Viện Nghiên cứu Thiết kế Nhôm-Magiê Thẩm Dương (SAMI) trực thuộc Tập đoàn CHALIECO thiết kế SAMI là đơn vị nghiên cứu-thiết kế đầu ngành về khoáng sản và luyện kim của Trung Quốc. Viện có đội ngũ chuyên gia giỏi, đã hoạt động trên 40 năm, đã thiết kế hồ bùn đỏ cho nhiều dự án sản xuất alumin ở trong nước và nước

ngoài.

Tiêu chuẩn dùng trong thiết kế lấy theo tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn Trung Quốc được phép áp dụng, có tham khảo các tiêu chuẩn của nước ngoài, đặc biệt là các thiết kế của Brazil và Australia, tuân thủ các tiêu chuẩn của Việt Nam về bãi lấp chất thải rắn và chôn lấp chất thải nguy hại.

Thiết kế kỹ thuật hồ bùn đỏ đã được Bộ Công Thương chủ trì, tổ chức thẩm định (theo nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại văn bản 650/TTg-KTN ngày 29 tháng 4 năm 2009 của Văn phòng Chính phủ) với sự tham gia của các Bộ, địa phương liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học chuyên ngành. Viện Kỹ thuật công trình thuộc Trường Đại học Thủy lợi là đơn vị thực hiện việc thẩm tra chi tiết TKKT hồ bùn đỏ của Dự án.

Hồ chứa bùn đỏ ở Tân Rai là hồ chứa bán chìm. Hồ nằm trong thung lũng, bao quanh hồ 3 phía là đồi đất tự nhiên cao hơn mặt thân đập khoảng 3 - 6 m, phía hạ lưu của hồ bùn đỏ được ngăn bởi đập chắn, được tính toán chịu được động đất cấp 7 (theo TCVN hiện hành, tại khu vực này chỉ yêu cầu cấp 5). Hồ bùn đỏ chia làm 8 ngăn, mỗi ngăn diện tích khoảng 16 ha, dung tích chứa khoảng 600.000-1.600.000 m³ nhằm giảm áp lực lên hệ thống đập, nâng cao độ an toàn của đập. Tiếp giáp với đập ngăn của khoang số 8 (khoang cuối cùng) là đường tránh Tỉnh lộ 725 cũng được thiết kế như một đập dự phòng, phía dưới đường có cống thoát nước mưa được đóng mở bằng cánh phai, có thể đóng chặt lại khi cần thiết. Trong trường hợp xảy ra sự cố vỡ đập ngăn một khoang chứa nào đó, có thể đóng chặt cống để giữ bùn ở lại thung lũng, không để tràn bùn ra ngoài môi trường. Với thiết kế an toàn như trên, khả năng vỡ đập hồ bùn đỏ là rất thấp; Nếu giả thiết xảy ra vỡ đập (do các nguyên nhân bất khả kháng) thì cũng chỉ ảnh hưởng ở mức độ tối thiểu.

Để bùn đỏ chứa trong hồ không bị thấm thấu gây ô nhiễm nguồn nước ngầm, thiết kế đã lựa chọn phương pháp chống thấm tiên tiến mà thế giới đang áp dụng: dưới cùng (nền hồ) là lớp á sét được lu lèn dày 250mm, trên lớp này là 2 lớp vải địa kỹ thuật (mật độ vải 400g/m²), giữa 2 lớp vải địa kỹ thuật có một lớp màng chống thấm bằng polyethylene mật độ cao (HDPE) có tính năng chống thấm tốt và có tính chịu kiềm tốt, đảm bảo yêu cầu hệ số thấm thấu bão hòa của lớp chống thấm không được cao hơn (về trị số tuyệt đối) 10⁻¹² cm/s, trên cùng là 1 lớp thoát nước ngầm bằng cát hạt thô dày 60cm với ống thu hồi nước. Mái dốc phía trong của thân đập, đáy hồ và sườn dốc trong hồ đều lát lớp chống thấm và lớp thoát nước. Với giải pháp thiết kế và thi công như trên, việc chống thấm được xem là có thể đảm bảo tuyệt đối.

Bùn đỏ được chuyển đến hồ bằng đường ống và được chứa trong từng khoang của hồ bằng công nghệ thải ướt: Cặn lắng sẽ được chất đầy dần khoang chứa, phần dung dịch thải kèm theo bùn đỏ có chứa kiềm với độ pH cao (11-13) được tách ra rồi đưa tập trung về giếng thu hồi nước và bơm tuần hoàn trở lại nhà máy alumina để thu hồi kiềm tái sử dụng.

Bùn đỏ sau khi thải đầy mỗi khoang được tiến hành chôn lấp an toàn với giải pháp phủ lớp chống thấm (bentonit hoặc màng LDPE) để ngăn bốc hơi từ hồ và ngăn nước mưa thấm xuống, lấp đất phủ dày 1m, bên trên trồng cây, cỏ chống xói mòn và đảm bảo cảnh quan khu vực.

Các nguồn nước mặt (nước mưa) từ bên ngoài khu vực hồ bùn đỏ được tập trung vào hệ thống kênh ngăn nước bao quanh khu vực hồ và được thoát ra ngoài bằng các cửa riêng.

- Đảm bảo khả năng thoát lũ cao nhất bằng hệ thống kênh thoát lũ bao bọc quanh hồ bùn đỏ, được tính toán với lượng mưa trung bình là 2.500-2.900 mm/năm trong vòng 100 năm. Ngoài ra, còn có hệ thống thoát lũ bằng giếng thoát lũ trong hồ bùn đỏ và khoang dự phòng.

Các khoang bùn đỏ được vận hành theo thứ tự 1 khoang hoạt động thì có 1 khoang trống bên cạnh dự phòng để chứa nước lũ tràn (trong trường hợp lượng mưa cao đột biến vượt ngưỡng dự tính) hoặc chứa bùn đỏ tràn do sự cố của khoang đang hoạt động.

Toàn bộ quá trình hoạt động của hồ bùn đỏ được điều hành và kiểm soát bởi trạm quan trắc đặt ở gần hồ và hệ thống quan trắc môi trường khu vực.

Quá trình thi công hồ bùn đỏ còn có sự giám sát chặt chẽ của nhiều cấp: Tư vấn quản lý dự án (có chuyên gia Australia tham gia), Tổ giám sát môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ban Chỉ đạo các dự án bauxit Tây Nguyên để đảm bảo chất lượng công trình thi công và thực hiện nghiêm quá trình vận hành hồ chứa.

Trước khi đi vào chính thức hoạt động hồ bùn đỏ, phải xây dựng xong phương án ứng phó khi có sự cố vỡ từng khoang và vỡ hồ, gồm việc dự báo phạm vi ảnh hưởng, mức độ thiệt hại, phương án phối hợp phòng và chống thảm họa, tổ chức lực lượng và trang thiết bị cứu hộ.

Ngoài ra, trong giải pháp tăng cường đảm bảo sự an toàn cho hồ bùn đỏ các dự án, Bộ Công Thương đã giao Vinacomin lựa chọn tổ chức tư vấn độc lập nước ngoài có uy tín để thẩm định lại thiết kế hồ bùn đỏ dự án bôxít Tân Rai. Riêng đối với dự án Nhân Cơ giao Vinacomin làm việc với tư vấn thiết kế hồ bùn đỏ nghiên cứu thêm phương án thải khô, nếu khả thi sẽ thay đổi công nghệ.

2. Hiệu quả kinh tế của các dự án khai thác, chế biến bô xít ở Tây Nguyên:

So sánh 2 dự án Tân Rai và Nhân Cơ thì Dự án Tổ hợp bauxit nhôm Tân Rai tại Lâm Đồng thuận lợi hơn so với dự án alumin Nhân Cơ - Đắk Nông (Cung độ vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu phục vụ sản xuất và sản phẩm đưa đi tiêu thụ gần hơn...), có nghĩa là giá thành alumina của Dự án Tân Rai thấp hơn dự án Nhân Cơ dẫn đến hiệu quả kinh tế của Dự án Tân Rai cao hơn dự án Nhân Cơ (tính cùng giá bán alumina).

Theo khuyến nghị của các nhà khoa học, Chính phủ đã yêu cầu Bộ Công Thương chủ trì thành lập Hội đồng kiểm tra, đánh giá lại hiệu quả kinh tế của dự án Nhân Cơ. Bộ Công Thương đã thực hiện đầy đủ yêu cầu của Chính phủ, nay xin báo cáo với Đại biểu như sau:

Hiệu quả kinh tế Dự án Nhân Cơ với công suất 650.000 tấn alumina/năm đã được Hội đồng kiểm tra, đánh giá của Bộ Công Thương thẩm định, trên cơ sở thẩm tra chi tiết của Viện Kinh tế, Bộ Xây dựng. Kết quả thẩm định cụ thể cho thấy, với cơ chế, chính sách hiện hành (cơ cấu vốn chủ sở hữu/vốn vay 70/30, phí môi trường 30.000 đồng/tấn quặng nguyên khai, thuế suất thuế xuất khẩu alumina 20% v.v...); Phương thức vận chuyển đường bộ; Giá thành sản xuất toàn bộ trung bình là 287,6 USD/tấn alumina, giá bán (spot) trung bình là 335 USD/tấn alumina, thì dự án vẫn đảm bảo tính khả thi (NPV > 0; IRR: 8,24%) với thời gian thu hồi vốn của dự án là 12,4 năm/30 năm tồn tại của dự án (thực tế Dự án sẽ tồn tại trên 50 năm).

Kết quả đánh giá mức độ rủi ro của dự án theo một số yếu tố cơ bản như sau:

- Về giá bán sản phẩm alumina: Giá bán sản phẩm tác động mạnh mẽ đến hiệu quả kinh tế của dự án và phụ thuộc vào thị trường chung của thế giới. Vì vậy, đây là yếu tố ảnh hưởng rất nhạy cảm, khó kiểm soát. Qua việc phân tích độ nhạy Dự án cho thấy, trong trường hợp các yếu tố đầu vào hiện hành là: Thuế xuất khẩu 20%, phí môi trường 30.000 đồng/tấn quặng nguyên khai và phương án vay vốn ở mức lãi suất bình quân 8,0%, Dự án có hiệu quả kinh tế khi giá bán alumina > 333,7 USD/tấn. Tuy nhiên, giá bán alumina hiện nay trên thị trường thế giới đang tăng nhanh sau giai đoạn khủng hoảng tài chính toàn cầu (2008-2010). Theo kết quả dự báo thị trường của Metal Bulletin Research vào tháng 6 năm 2010 cho thấy giá alumina dự kiến tăng từ 310 USD/tấn năm 2010 đến 440 USD/tấn vào năm 2015 và 650 USD/tấn vào năm 2020. Với giá tăng lên 30% vào năm 2015 và 95% vào năm 2020 so với giá thẩm định (335 USD/tấn) cho thấy khả năng dự án có hiệu quả đến năm 2020 là có cơ sở tin cậy.

- Về ảnh hưởng của vốn đầu tư dự án: Việc tăng vốn đầu tư ảnh hưởng không nhiều đến hiệu quả kinh tế dự án. (tăng 25% vốn đầu tư thì IRR vẫn đạt 7,12%).

- Về ảnh hưởng do chi phí sản xuất: Chi phí sản xuất ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh tế dự án (tăng 1% chi phí sản xuất thì IRR còn 8%).

- Về thuế xuất khẩu alumin: Thuế xuất khẩu alumina có ảnh hưởng quan trọng đến hiệu quả kinh tế của dự án do 100% sản phẩm alumina dự kiến xuất khẩu. Nếu thuế suất thuế xuất khẩu giảm xuống ở mức 10% thì IRR=12,3%.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện dự án, giải pháp quản trị chi phí với mục tiêu tiết kiệm chi phí hàng năm khoảng 5-10%, đồng thời kết hợp phát

triển các dịch vụ tạo ra giá trị gia tăng như trồng rừng, cây công nghiệp, du lịch sinh thái, văn hóa..., để tăng nguồn thu cũng sẽ giúp cho dự án có hiệu quả.

Tóm lại, kết quả tính toán và thẩm định hiệu quả kinh tế dự án Nhà máy alumina Nhân Cơ cho thấy Dự án có hiệu quả kinh tế, mức độ rủi ro thấp.

III. Về vấn đề thứ ba : Tình hình nhập siêu và các giải pháp để hạn chế nhập siêu

Qua số liệu thống kê trong những năm gần đây, có thể thấy tình hình nhập siêu của Việt Nam đã và đang được cải thiện. Tuy mức giảm chưa lớn về con số tuyệt đối song từ năm 2008 đến nay, nhập siêu liên tục chuyển biến theo hướng giảm dần. Năm 2008, chúng ta nhập siêu 18 tỷ USD, năm 2009 là 12,8 tỷ USD và năm 2010 ước khoảng 12 tỷ USD. Tỷ lệ nhập siêu trên xuất khẩu cũng giảm dần theo các năm, cụ thể năm 2007 xấp xỉ 30%, năm 2008 là 28,8%, năm 2009 là 22,5% và năm 2010 ước khoảng 17% (Chỉ tiêu Chính phủ giao không quá 20%).

1. Nguyên nhân nhập siêu

- Nền kinh tế nước ta tiếp tục tăng trưởng cao, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2005-2009 đạt 7,2%, sản xuất công nghiệp tăng 14,7%, xuất khẩu tăng trưởng 17,34%, vốn FDI và ODA thực hiện đạt khá dẫn đến nhu cầu nhập khẩu tư liệu sản xuất phục vụ nền kinh tế tăng mạnh.

- Hiện nay, tuy trong nước đã sản xuất được một số máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu nhưng cũng mới chỉ có một số mặt hàng đáp ứng được nhu cầu nội địa, như thép xây dựng, xi măng, phân bón NPK còn lại, phần lớn các mặt hàng khác, tuy trong nước đã sản xuất được, nhưng chưa đáp ứng đủ yêu cầu do số lượng, chủng loại còn hạn chế, chất lượng chưa ổn định nên vẫn phải nhập khẩu, vừa để phục vụ cho sản xuất tiêu dùng nội địa, vừa để phục vụ sản xuất, gia công hàng xuất khẩu.

- Theo cam kết gia nhập WTO, Việt Nam phải xoá bỏ hạn chế nhập khẩu bằng hạn ngạch, giấy phép và phải giảm thuế nhập khẩu theo lộ trình. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng/01/2006 quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài. Theo đó, hầu hết các mặt hàng nhập khẩu hiện nay, doanh nghiệp được nhập khẩu theo nhu cầu, không cần giấy phép nhập khẩu ; thủ tục được phép thực hiện ngay tại hải quan cửa khẩu.

- Trong nước, một bộ phận dân cư vẫn còn tâm lý chuộng hàng ngoại.

Như vậy, trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhu cầu nhập khẩu nhiều loại thiết bị, vật tư, nguyên liệu phục vụ cho

sản xuất, đầu tư xây dựng... để phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng các dự án ngày càng gia tăng. Đồng thời, với một nền kinh tế đang trong giai đoạn chuyển đổi, công nghệ phần nhiều còn lạc hậu, sản xuất nặng về gia công, lại đang đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài (do thiếu vốn, công nghệ tiên tiến), thì việc nhập khẩu cao cũng là điều không tránh khỏi. Các nước đang trên đà phát triển tương tự như Việt Nam cũng ở tình trạng như vậy. Theo phân tích của một số tổ chức nghiên cứu nước ngoài, với một nền kinh tế đang phát triển (tương tự như giai đoạn hiện nay của Việt Nam) thì tỷ lệ nhập siêu trên kim ngạch xuất khẩu khoảng 20% là phù hợp.

Tuy nhiên, việc nhập khẩu nhiều cũng làm ảnh hưởng nhất định tới cân đối vĩ mô, nhất là cán cân thanh toán của nền kinh tế. Giảm nhập khẩu để giảm nhập siêu, trong khi vẫn phải đáp ứng yêu cầu phát triển, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, là một bài toán kinh tế tổng hợp, đòi hỏi sự phối hợp điều hành chặt chẽ, linh hoạt của nhiều Bộ, ngành, địa phương, sự ủng hộ và thực thi nghiêm túc các chỉ đạo của Chính phủ của mọi doanh nghiệp, người dân...

Với trách nhiệm của mình, dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công Thương đã thường xuyên quan tâm tới việc đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu cũng như sản xuất hàng trong nước để giảm dần nhập khẩu, đẩy mạnh các hoạt động mở rộng thị trường truyền thống, tìm kiếm thị trường mới, tăng cường xúc tiến xuất khẩu, tăng cường quản lý nhập khẩu, hạn chế nhập khẩu những mặt hàng trong nước đã sản xuất được, những mặt hàng chưa thiết yếu, nhất là những mặt hàng xa xỉ, chưa phù hợp với khả năng thanh toán của nền kinh tế, chỉ đáp ứng nhu cầu cho một bộ phận nhỏ người tiêu dùng... để giảm dần chênh lệch giữa xuất khẩu, nhập khẩu, tiến tới cân bằng cán cân thương mại.

Với những cố gắng đó, tình hình nhập siêu của Việt Nam đã và đang từng bước được cải thiện. Tuy mức giảm chưa lớn về số tuyệt đối, song từ năm 2008 đến nay, tình hình nhập siêu liên tục chuyển biến theo hướng giảm dần. Theo dự kiến của kế hoạch 5 năm 2011-2015, đến năm 2015 phấn đấu đưa tỷ lệ nhập siêu xuống 14% và dự tính vài năm sau 2015 sẽ tiến tới cân bằng cán cân thương mại.

2. Các giải pháp khắc phục

Để từng bước thu hẹp mức nhập siêu, về trung và dài hạn, Bộ Công Thương phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và cộng đồng doanh nghiệp sẽ triển khai những giải pháp sau:

- Thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu, tiến tới cân bằng cán cân thương mại được coi là giải pháp chủ yếu, lâu dài để giảm nhập siêu.

Bộ Công Thương đang tập trung xây dựng Đề án Chiến lược xuất nhập khẩu thời kỳ 2011-2020, dự kiến trình Chính phủ trong tháng 12 năm 2010, trong đó sẽ đưa ra những định hướng cơ bản để phát triển sản xuất và xuất khẩu. Trước hết, tập trung phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, thay

thể hàng nhập khẩu, nhất là các loại máy móc, thiết bị, chi tiết, phụ tùng, nguyên vật liệu... phục vụ cho sản xuất, cũng như các hàng hóa tiêu dùng mà trong nước đã sản xuất được hoặc sẽ sản xuất.

- Đẩy mạnh xuất khẩu vào các nước khu vực châu Á, nhất là Trung Quốc, để từng bước giảm mức chênh lệch thương mại, giảm sự phụ thuộc vào một số thị trường xuất khẩu nhất định, nhằm tránh nguy cơ tiềm ẩn về những biện pháp hạn chế hoặc gây sức ép của các nước đối tác, khi ta xuất siêu quá lớn.

- Có chiến lược đổi mới cơ cấu mặt hàng xuất khẩu, bằng việc thực hiện có hiệu quả các quy hoạch phát triển ngành, đẩy nhanh tiến độ đầu tư những dự án sản xuất hàng công nghiệp xuất khẩu để thay thế những mặt hàng sẽ đến ngưỡng, như một số sản phẩm nông nghiệp (lúa gạo, cà phê, hạt tiêu...), một số loại khoáng sản như than mỏ, dầu thô... bằng những sản phẩm mới như alumin, một số sản phẩm cơ khí, dây cáp điện, tàu thủy, điện tử..., Phát triển mạnh những mặt hàng mà trong nước có lợi thế cạnh tranh để thỏa mãn nhu cầu trong nước, góp phần giảm nhập khẩu như giấy, phân đạm, phân DAP, thép tấm, nguyên phụ liệu dệt may, da giày...

- Tăng cường kiểm soát nhập khẩu những mặt hàng không thiết yếu.

Bộ Công Thương đã và sẽ tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành thực hiện các chính sách hạn chế nhập khẩu những mặt hàng không thiết yếu, hàng tiêu dùng không khuyến khích nhập khẩu, như tăng thuế suất thuế nhập khẩu tối đa bằng cam kết WTO, áp dụng các hàng rào kỹ thuật theo các định chế của WTO.

- Tập trung phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ. Bộ Công Thương hiện đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định về khuyến khích phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, trong đó có những cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, trước mắt tập trung vào các ngành, như dệt may, da giày, điện tử, cơ khí.

- Khuyến khích sử dụng máy móc thiết bị, nguyên nhiên vật liệu sản xuất trong nước, thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển.

Bộ Công Thương đã ban hành Danh mục thiết bị, máy móc, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải, nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được để các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước chỉ đạo các tổ chức, cá nhân có liên quan sử dụng trong chỉ định thầu các dự án đầu tư, nhất là dự án sử dụng vốn nhà nước theo tinh thần Chỉ thị 494/CT-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, không khuyến khích nhập khẩu.

- Rà soát cơ cấu đầu tư, tiếp tục nghiên cứu những chính sách khuyến khích đầu tư sản xuất hàng hóa xuất khẩu và hàng hóa thay thế nhập khẩu;

hạn chế đầu tư vào khu vực phi sản xuất ; đồng thời tăng cường chống lãng phí trong đầu tư xây dựng, nâng cao hiệu quả đầu tư, đặc biệt là đầu tư công.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

Trên đây là báo cáo của Bộ Công Thương về những vấn đề được các vị Đại biểu Quốc hội và cử tri quan tâm.

Xin chân thành cảm ơn các vị Đại biểu Quốc hội. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đoàn Thư ký kỳ họp;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ;
- Lưu VT, KH .

BỘ TRƯỞNG



Vũ Huy Hoàng